

Số: 114/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 510/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Bùi Minh T, sinh ngày 09/07/1975, CCCD: 079075025934

Địa chỉ: 2 đường D, tổ D, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Trần Thụy Đỗ Q, sinh ngày 30/06/1976, CCCD: 079176023658

Địa chỉ: 3, hẻm C, đường HT31, H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Trần T1 Đỗ Q và ông Bùi Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 02/2009, cấp ngày 09/03/2009. Nay ông T – bà Q yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Trần Mỹ D, sinh ngày 09/11/2014 và Bùi Minh H, sinh ngày 08/01/2010.

Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q thống nhất yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho là Bùi Trần Mỹ D, sinh ngày 09/11/2014 và Bùi Minh H, sinh

ngày 08/01/2010 cho ông Bùi Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thụy Đỗ Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 09 tháng 03 năm 2009 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Trần Mỹ D, sinh ngày 09/11/2014 và Bùi Minh H, sinh ngày 08/01/2010.

Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q thống nhất yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho là Bùi Trần Mỹ D, sinh ngày 09/11/2014 và Bùi Minh H, sinh ngày 08/01/2010 cho ông Bùi Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần T1 Đỗ Quyên do ông Bùi Minh T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q trình bày tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Bùi Minh T và bà Trần T1 Đỗ Quyên chịu án phí ly hôn mỗi người là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0071904 ngày 20 tháng 05 năm 2025 của Chi cục Thi hành án

dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Bùi Minh T và bà Trần Thụy Đỗ Q đã nộp đủ.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND KV7;
-THADS TPHCM;
-UBND nơi cấp GCN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu: VT, HS.

Trần Thị Vui